

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học giáo dục. Chuyên ngành: Đo lường và đánh giá trong giáo dục.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: TẠ THỊ THU HIỀN

2. Ngày tháng năm sinh: 12/07/1977; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Yên Đồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): số nhà 11A1, CT2C2, Chung cư Quốc hội Xuân Phương, Tổ dân phố số 8, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

- Tạ Thị Thu Hiền, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, Tầng 6, tòa nhà HT2, Khu đô thị Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại nhà riêng:... Điện thoại di động: 0912864234; E-mail: tahien@vnu.edu.vn.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 9/1999 đến tháng 5/2010:

- Công việc: Giáo viên bộ môn Toán.

- Chức vụ: Bí thư Đoàn Trường từ năm 2003 đến năm 2009; Tổ trưởng Tổ Toán từ năm 2008 đến năm 2009.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Cơ quan công tác: Trường THPT Bến Tre, thị xã Phú Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Từ tháng 6/2010 đến tháng 7/2014:

- Công việc: Nghiên cứu viên.

- Chức vụ: Phó trưởng phòng Nghiên cứu Đảm bảo chất lượng giáo dục từ tháng 8/2010 đến tháng 6/2011; Trưởng phòng Nghiên cứu Đảm bảo chất lượng giáo dục từ tháng 7/2011 đến tháng 7/2014.

- Cơ quan công tác: Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục, ĐHQGHN.

Từ tháng 8/2014 đến nay:

- Công việc: Làm công tác quản lý tại Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội (KĐCLGD - ĐHQGHN); giảng viên thỉnh giảng, kiêm nhiệm Phó trưởng Bộ môn Kiểm định và Bảo đảm chất lượng giáo dục tại Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN từ tháng 11/2017 đến nay.

- Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN từ tháng 8/2014 đến tháng 01/2022; Giám đốc Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN từ tháng 02/2022 đến nay; Chủ tịch Công đoàn Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN từ tháng 11/2014 - tháng 11/2015; Bí thư Chi bộ Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN từ tháng 6/2017 đến nay.

- Cơ quan công tác: Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN.

Chức vụ: Hiện nay: Giám đốc Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN; Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN.

Cơ quan công tác hiện nay: Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN.

Địa chỉ cơ quan: Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN, Tầng 6, toà nhà HT2, Khu đô thị ĐHQGHN tại Hòa Lạc, Thạch Hoà, Thạch Thất, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024.37954666.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm: chưa.

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): không.

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): không.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 17/6/1999; số văn bằng: 140427; ngành: Toán - Tin học; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

- Được cấp bằng ThS ngày 29/7/2009; số văn bằng: QM 002875; ngành: Quản lý giáo dục; chuyên ngành: Đo lường và đánh giá trong giáo dục; Nơi cấp bằng ThS: Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Được cấp bằng TS ngày 30/5/2016; số văn bằng: QT 001069; ngành: Đo lường và đánh giá trong giáo dục; chuyên ngành: Đo lường và đánh giá trong giáo dục; Nơi cấp bằng TS: Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm...: không.

- 10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS** ngày... tháng năm.. ngành: Chưa.
- 11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở:** Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN.
- 12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:** Khoa học giáo dục.
- 13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**
- Hướng nghiên cứu 1: Bảo đảm, kiểm định chất lượng giáo dục và quản trị đại học.
 - Hướng nghiên cứu 2: Đánh giá giáo dục.
- 14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**
- Đã hướng dẫn 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
 - Đã hướng dẫn 11 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
 - Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng: 02 đề tài cấp ĐHQGHN;
 - Đã công bố (số lượng) 30 bài báo khoa học, trong đó 09 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (Scopus/ISI).
 - Đã được cấp 01 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích.
 - Số lượng sách đã xuất bản 06 sách, trong đó 06 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín.
 - Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: không.
- 15. Khen thưởng** (các huân chương, huy chương, danh hiệu):
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo các năm: 2021, 2023.
 - Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN các năm: 2014, 2015, 2016, 2018, 2020, 2021, 2022, 2023.
 - Chiến sĩ thi đua cấp Bộ các năm: 2017, 2021.
 - Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQGHN các năm: 2016, 2020.
 - Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm: 2018, 2019, 2021, 2022.
 - Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển ĐHQGHN năm 2023.
- 16. Kỷ luật** (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong quá trình công tác, tôi luôn chấp hành nghiêm túc mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tuân thủ đầy đủ nội quy, quy định của Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN nơi tôi làm giảng viên thỉnh giảng. Tôi luôn nỗ lực học tập, rèn luyện để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện tốt các công việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Căn cứ vào Luật giáo dục; Luật giáo dục đại học; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học; các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các quy định của ĐHQGHN, Trường ĐH Giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHQGHN, tôi tự đánh giá mình đạt được các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 06 năm 08 tháng.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK 2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018-2019						136	136/136/135
2	2019-2020		01	02			72	72/177/135
3	2020-2021		01	02		20	135	155/270/160
03 năm học cuối								
4	2021-2022		01	02		36	67,5	103,5/223,5/160
5	2022-2023		02	03	02	68,4	67,5	135,9/345,9/175
6	2023-2024		02	02	02	52	67,5	119,5/269,5/175

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

> Năm học 2018-2019 và năm học 2019-2020: Quy định chế độ làm việc của giảng viên nghiên cứu viên Ban hành theo Quyết định số 88/QĐ-ĐHGD ngày 19/01/2018 và Quyết định số 266/QĐ-ĐHGD ngày 28/02/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN;

> Năm học 2020-2021 và năm học 2021-2022: Theo Hướng dẫn số 2002/HD-ĐHGD ngày 07/12/2020 - Hướng dẫn tạm thời về chế độ làm việc đối với giảng viên Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN;

> Năm học 2023-2024: Theo Quyết định số 599/QĐ-ĐHGD ngày 20/3/2023 về chế độ làm việc đối với giảng viên của Hiệu trưởng Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Đã được bồi dưỡng ngoại ngữ thông qua tự học và các khóa học, bồi dưỡng ngắn hạn.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2 (CEFR).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1.	Đặng Thị Thanh Thủy	x			x	2019 - 2023	Trường ĐHGĐ, ĐHQGHN	- Quyết định cấp bằng số 3226/QĐ-ĐHGĐ ngày 26/12/2023 - Số hiệu bằng: QT 002904 - Ngày cấp bằng: 05/02/2024
2.	Đỗ Phương Lê		x	x		2018 - 2019	Trường ĐHSP Hà Nội 2	- Quyết định cấp bằng số 214/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 18/3/2020 - Số hiệu bằng: M 000327 - Ngày cấp bằng: 16/7/2020
3.	Vũ Minh Phương		x	x		2018 - 2019	Trường ĐHGĐ, ĐHQGHN	- Quyết định cấp bằng số 656/QĐ-ĐHGĐ ngày 01/6/2020 - Số hiệu bằng: QM 036597 - Ngày cấp bằng: 26/6/2020
4.	Lê Tuấn Anh		x	x		2019 -	Trường	- Quyết định cấp

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
						2020	ĐHSP Hà Nội 2	bằng số 1982/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 28/12/2020 - Số hiệu bằng: M 000410 - Ngày cấp bằng: 28/12/2020
5.	Lê Thị Thương		x	x		2019 - 2020	Trường ĐHGD, ĐHQGHN	- Quyết định cấp bằng số 768/QĐ-ĐHGD ngày 10/5/2021 - Số hiệu bằng: QM 037948 - Ngày cấp bằng: 10/6/2021
6.	Trần Thanh Huyền		x	x		2020 - 2021	Trường ĐHGD, ĐHQGHN	- Quyết định cấp bằng số 498/QĐ-ĐHGD ngày 05/4/2022 - Số hiệu bằng: QM 038990 - Ngày cấp bằng: 18/4/2022
7.	Vũ Thị Thanh Ngọc		x	x		2020 - 2021	Trường ĐHSP Hà Nội 2	- Quyết định cấp bằng số 330/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 04/3/2022 - Số hiệu bằng: M 000684 - Ngày cấp bằng: 04/3/2022
8.	Trần Thị Hương Trang		x	x		2021 - 2022	Trường ĐHGD, ĐHQGHN	- Quyết định cấp bằng số 2399/QĐ-ĐHGD ngày 12/12/2022 - Số hiệu bằng:

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
								QM 039787 - Ngày cấp bằng: 27/12/2022
9.	Lê Thị Lan Anh		x	x		2021 - 2022	Trường ĐHGD, ĐHQGHN	- Quyết định cấp bằng số 2399/QĐ-ĐHGD ngày 12/12/2022 - Số hiệu bằng: QM 039789 - Ngày cấp bằng: 22/12/2022
10.	Đào Văn Lượng		x	x		2021 - 2022	Trường ĐHSP Hà Nội 2	Quyết định cấp bằng số 2885/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 23/12/2022 - Số hiệu bằng: M 000822 - Ngày cấp bằng: 23/12/2022
11.	Nguyễn Thị Tuyết		x	x		2022 - 2023	Trường ĐHGD, ĐHQGHN	- Quyết định cấp bằng số 750/QĐ-ĐHGD ngày 30/3/2023 - Số hiệu bằng: QM 040592 - Ngày cấp bằng: 10/5/2023
12.	Phan Anh Minh		x	x		2022 - 2023	Trường ĐHGD, ĐHQGHN	- Quyết định cấp bằng số 3138/QĐ-ĐHGD ngày 11/12/2023 - Số hiệu bằng: QM 041709 - Ngày cấp bằng: 26/12/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận TS							
1.	Giáo dục đại học: Đảm bảo, đánh giá và kiểm định chất lượng	TK	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010	02	Nguyễn Phương Nga - Nguyễn Quý Thanh (đồng chủ biên)	Sự phát triển của kiểm định chất lượng tại Châu Á - Thái Bình Dương. Nguyễn Phương Nga, Tạ Thị Thu Hiền (8-18)	Giấy xác nhận ngày 22/4/2024 của Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN
II Sau khi được công nhận TS							
2.	Quản trị giáo dục đại học	CK	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021	5	Trần Trung, Tạ Thị Thu Hiền (đồng chủ biên)	Toàn bộ cuốn sách	Giấy xác nhận ngày 22/4/2024 của Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN
3.	Phân tích hiệu suất của giáo dục đại học ở Việt Nam	TK	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	12	Trịnh Thanh Hải, Trần Trung	198-218	Giấy xác nhận ngày 22/4/2024 của Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN
4.	Chapter 2: Impacts of the Fourth Industrial Revolution on Human Resource Development in Vietnam	TK	Routledge, 1st edition, 2022 https://doi.org/10.4324/9781003202424	03	Trung Tran, Cuong Huu Nguyen and Loc Thi My Nguyen	Book: Educational Innovation in Vietnam Opportunities and Challenges of the Fourth Industrial Revolution (65-71)	Giấy xác nhận ngày 22/4/2024 của Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN
5.	Chapter 3: Quality assurance of distance education in Vietnamese higher education	TK	Routledge, 1st edition, 2022 https://doi.org/10.4324/9781003202424	03	Trung Tran, Cuong Huu Nguyen and Loc Thi My Nguyen	Book: Educational Innovation in Vietnam Opportunities and Challenges of the Fourth Industrial Revolution (122-129)	Giấy xác nhận ngày 22/4/2024 của Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
6.	Chapter 9: Institutional and programme accreditation	TK	Cham: Palgrave Macmillan. https://doi.org/10.1007/978-3-030-26859-6_9	03	Nguyen Huu Cuong, Mahsood Shah	Book: Quality assurance in Vietnamese higher education: policy and practice in the 21st century (183-212)	Giấy xác nhận ngày 22/4/2024 của Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN
7.	Chapter 10: Digital innovation and impact on quality assurance	TK	Cham: Palgrave Macmillan. https://doi.org/10.1007/978-3-030-26859-6_10	03	Nguyen Huu Cuong, Mahsood Shah	Book: Quality assurance in Vietnamese higher education: policy and practice in the 21st century (213-239)	Giấy xác nhận ngày 22/4/2024 của Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN
8.	Cách mạng công nghiệp 4.0 và phát triển nhân lực dân tộc thiểu số	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2022	30	Trần Trung	111-127; 199-222	Giấy xác nhận số 05/GXN-HVDT ngày 18/6/2024 của Học viện Dân tộc

Trong đó: Số lượng 01 sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản [số TT: 02] và 01 chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản [số TT: 06] mà ứng viên là chủ biên sau TS.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1.	Nhiệm vụ KH-CN cấp Nhà nước: Cơ sở khoa học, thực tiễn cho việc xây dựng hệ thống đánh	TK	Mã số QGĐA12.10 theo Quyết định số 2137/QĐ-	2012-2014	- Đã nghiệm thu ngày 26/01/2014; - Xếp loại: Tốt.

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	giá năng lực để tuyển chọn nhân lực chất lượng cao, tài năng trong đào tạo, khoa học công nghệ, lãnh đạo, quản lý và kinh doanh.		KHCN ngày 29/6/2012 của của Giám đốc ĐHQGHN		
II	Sau khi được công nhận TS				
1.	Nhiệm vụ KHCN cấp ĐHQG: Nghiên cứu đánh giá tác động của chính sách kiểm định chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2015-2020	CN	- Theo Quyết định số 1229/QĐ-ĐHQGHN ngày 29/4/2021 của Giám đốc ĐHQGHN. - Cấp quản lý: ĐHQGHN.	2021-2022	- Đã nghiệm thu ngày 07/12/2022; - Xếp loại Xuất sắc.
2.	Nhiệm vụ KHCN cấp ĐHQG: Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ và phần mềm đánh giá mức độ đảm bảo chất lượng giáo dục	CN	- Mã số QG.19.62. - Cấp quản lý: ĐHQGHN.	2019-2020	- Đã nghiệm thu ngày 30/12/2020; - Xếp loại Tốt.

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1.	Đổi sánh (benchmarking): Một số vấn đề nghiên cứu và áp dụng trong giáo dục đại học	01	x	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Chuyên san Khoa học xã hội và Nhân văn/ISSN: 0866-8612			Tập 29, Số 1S, trang 8-14	2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
2.	Chính sách đánh giá, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội - thực tiễn và bài học kinh nghiệm	01	x	Tạp chí Giáo dục và Xã hội/ISSN: 1859-3917			Số 46 (107) tháng 1, trang 54-57	2015
3.	Thành lập và phát triển các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp	01	x	Tạp chí Giáo dục và Xã hội/ISSN: 1859-3917			Số 47 (108) tháng 2, trang 25-29	2015
4.	Chính sách kiểm định chất lượng giáo dục và những ảnh hưởng đến việc quản lý chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Tạp chí giáo dục/ISSN: 2354-0753			Số đặc biệt tháng 5, trang 230-233	2015
II	Sau khi được công nhận TS							
5.	Kiểm định chất lượng các trường đại học Việt Nam: Sự cần thiết của bộ tiêu chuẩn đánh giá mới	2		Tạp chí giáo dục/ISSN: 2354-0753			Số 410, Kì 2, tháng 7, trang 21-25	2017
6.	Exploring impact of accreditation on higher education in developing	02		Tertiary Education and Management /ISSN: 1358-3883 (Print)	Scopus (Q2)	71	Vol. 24, No. 2, pp. 154-167	2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	countries: a Vietnamese view			1573-1963 (Online)				
7.	Achievements and Lessons Learned from Vietnam's Higher Education Quality Assurance System after a Decade of Establishment	03		International Journal of Higher Education/ ISSN 19276044, 19276052	Scopus (Q3)	47	Vol. 6, No. 2, pp 153-161	2017
8.	Kiểm định chất lượng giáo dục và tự chủ đại học	02		Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Chuyên san: Nghiên cứu giáo dục/ISSN: 3515-9325 e-ISSN 2588-1159			Tập. 35, số 1, trang 84-95	2018
9.	Đổi mới giáo dục ở Việt Nam: nhìn từ góc độ giáo viên	07		Tạp chí thiết bị giáo dục/ ISSN: 1859-0810			Số 202, kỳ 1, trang 1-6	2019
10.	Mô hình đại học SMARTI và hệ thống đối sánh chất lượng UPM	06		Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Chuyên san: Nghiên cứu chính sách và quản lý/ISSN: 2615-9295 e-ISSN 2588-1116			Tập. 36, số 1, trang 28-43	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
11.	Nghiên cứu về các công cụ bảo đảm chất lượng bên trong ở một số trường đại học trên thế giới và khuyến nghị cho Việt Nam	04		Tạp chí giáo dục/ ISSN: 2354-0753			Tập 1, số 493, Kỳ 1, trang 13-17	2021
12.	Xây dựng Bộ công cụ đo lường mức độ đảm bảo chất lượng các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam: Vấn đề và giải pháp	09	x	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Chuyên san: Nghiên cứu giáo dục/ISSN: 3515-9325 e-ISSN 2588-1159			Tập. 37, trang 1-14	2021
13.	Đánh giá hiệu quả hệ thống giáo dục đại học Việt Nam: bằng chứng thực nghiệm giai đoạn 2015-2018 sử dụng chỉ số Färe-Primont	03		Tạp chí giáo dục/ ISSN: 2354-0753			Tập. 1, số 497, Kỳ 1, trang 1-7	2021
14.	Nâng cao chất lượng giáo dục đại học thông qua học tập tự định hướng	04		<i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học</i> “Đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đại học trong bối cảnh tự chủ đại học: Lý luận và thực tiễn” NXB ĐHQGHN/ISBN 978-604-342-693-9)			Trang 467-487	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
15.	Joint-training programs in Vietnam: operation and quality management aspects gathered from institutional practices	03		Asia Pacific Education Review/ ISSN/ eISSN: 1598-1037 / 1876-407X	ISI (SSCI) & Scopus (IF: 2.4, Q2)	08	Vol.22 No.2 pp 333-347	2021
16.	A study of adult students' satisfaction on the training quality in Vietnam	04		Proceedings of 15th NEU-KKU International Conference Socio-Economic and Environmental Issues in Development Finance Publishing House/ ISBN: 978-604-79-3205-4			pp 1810-1822,	2022
17.	Internal Quality Assurance of Academic Programs: A Case Study in Vietnamese Higher Education	04		SAGE Open/ISSN: 2158-2440 Online ISSN: 2158-2440	ISI (SSCI) & Scopus (IF: 2.2, Q1)		Vol.12, issue 4, pp 1-11	2022
18.	Bảo đảm, kiểm định chất lượng giáo dục với việc thực hiện tự chủ đại học ở Việt Nam	05	x	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Chuyên san: Nghiên cứu giáo dục /ISSN: 3515-9325 e-ISSN 2588-1159			Tập. 38, số 2, trang 83-101	2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
19.	Văn hóa chất lượng: Yếu tố bảo đảm chất lượng bên trong trường đại học	02	x	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Chuyên san: Nghiên cứu giáo dục/ISSN: 3515-9325 e-ISSN 2588-1159			Tập. 38 số 1, trang 50-59	2022
20.	Undergraduate Training Programs Meeting the Expected Learning Outcomes of the National Quality Framework: Status and Challenges	03	x	International Journal of Learning, Teaching and Educational Research/ e-ISSN: 1694-2116	Scopus (Q3)		Vol. 22, no. 3, p. 510-523	2023
21.	Survey dataset on student perceptions and experiences of quality assurance in Vietnamese universities	05	x	Data in Brief/ISSN 2352-3409	ISI (ESCI), Scopus (IF: 1.2, Q3)	07	Vol. 49, pp 1-8	2023
22.	Management Information System and Quality Assurance	02	x	European Journal of Contemporary Education/ E-ISSN 2305-6746	Scopus (Q3)		Vol. 12, no. 1, pp. 204-220	2023
23.	Students' Perception of Quality Assurance in Higher Education in Vietnam: Empirical	07	x	Journal of Learning for Development/ ISSN: 2311-1550	Scopus (Q3)	01	Vol. 10, no. 1, pp. 91-108	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Evidence and Implications for Face-to-Face and Alternative Modes of Learning							
24.	Impact of Industrial Revolution 4.0 on Vietnamese Ethnic Minority Human Resources	03	x	Conference paper "Inventive Computation and Information Technologies" Springer/ISSN 2367-3370			Vol. 563, pp 823-840	2023
25.	Productivity and its decompositions of Vietnamese higher education institutions: A Färe-Primont index decomposition using meta-frontier	07		Policy Futures in Education/ ISSN: 1478-2103 Online ISSN: 1478-2103	Scopus (Q2)	02	Vol. 0, pp 1-19	2023
26.	Một số thách thức của giáo dục đại học Việt Nam qua kết quả kiểm định chất lượng, xếp hạng và xếp hạng đối sánh	03		Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Chuyên san: Nghiên cứu giáo dục/ ISSN: 3515-9325 e-ISSN 2588-1159			Tập. 39, số 1, trang 87-98	2023
27.	Đánh giá thực trạng hoạt động bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở giáo dục đại học Việt Nam từ kết quả kiểm định chất lượng	01	x	Tạp chí giáo dục/ ISSN: 2354-0753			Tập 23, số 20, tháng 10, trang 29-35	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
28.	Đánh giá chất lượng hoạt động quản lý khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học Việt Nam từ phân tích kết quả kiểm định chất lượng giáo dục	01	x	Tạp chí giáo dục/ ISSN: 2354-0753			Tập 24, số đặc biệt 6, trang 25-31	2024
29.	Tiêu chí và kết quả đánh giá chất lượng thư viện của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam	01	x	Tạp chí giáo dục/ ISSN: 2354-0753			Tập 24, số đặc biệt 6, trang 149-154	2024
30.	Internal Quality Assurance (IQA) tools and processes used by Vietnamese universities: Implications for continuous improvement	02	x	Vietnam journal of education/ ISSN: 2354-0753			Volum8, Issue 2, June, pp 138-151	2024

- Trong đó: 04 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS (số thứ tự: 20, 21, 22, 23).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*): Không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả cho: Phần mềm hỗ trợ đánh giá mức độ đảm bảo chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục đại học. Số hiệu 8567/2020/QTG	Cục Bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	17/11/2020	Tác giả chính	10

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau TS: 01 (STT: 1).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): không.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1.	Xây dựng Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị Chất lượng Giáo dục	Tham gia	Quyết định 551/QĐ-ĐHGD, ngày 20/04/2018	Trường ĐHGD	Quyết định 1498/QĐ-ĐHGD ngày 28/8/2019	
2.	Xây dựng ngân hàng đề thi phục vụ đánh giá cấp thẻ kiểm định viên giáo dục nghề nghiệp năm 2019	Chủ nhiệm	Quyết định giao nhiệm vụ số 55/QĐ-TCGDNN ngày 19/02/2020; Hợp đồng Số 02/HĐ-CKĐCL	Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội	Biên bản nghiệm thu bàn giao sản phẩm và thanh lý hợp đồng số 10/TLHĐ-CKĐCL	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: KHÔNG

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): không.

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): không.

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): không.

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): không.

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: không.

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: không.

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: không.

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: không.

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

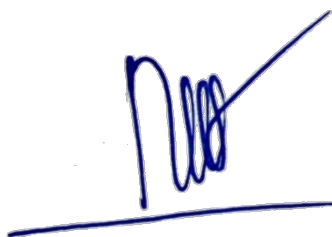
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Tạ Thị Thu Hiền